

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 22.112.000.149 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh chứng nhận thay đổi lần thứ 3 ngày 03/8/2023;

Căn cứ Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 22/01/2013 của UBND thành phố Hạ Long về việc phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng công trình tỷ lệ 1/500 Trung tâm thương mại và siêu thị Big C Hạ Long tại phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long;

Căn cứ Quyết định số 1442/QĐ-UBND ngày 10/6/2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại và Siêu thị Big C tại phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh của Công ty Cổ phần Bất động sản Việt - Nhật;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty Cổ phần Bất động sản Việt - Nhật số 2510/VNHL ngày 25/10/2023; số 68/VNHL ngày 31/5/2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 192/TTr-TNMT ngày 13/6/2024 và ý kiến thống nhất của các thành viên UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Bất động sản Việt - Nhật, địa chỉ trụ sở chính tại: Số 222 đường Trần Duy Hưng, phường Trung Hoà, quận Cầu

Giấy, thành phố Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường đối với cơ sở Trung tâm thương mại GO! Hạ Long tại phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Công ty Cổ phần Bất động sản Việt - Nhật.

1.2. Địa điểm hoạt động: Cột 5, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (công ty cổ phần): Số 0102853832 của Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp; Đăng ký lần đầu ngày 18/8/2014; Đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 26/10/2022.

1.4. Mã số thuế: 0102853832.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Trung tâm thương mại, siêu thị.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Diện tích cơ sở khoảng 1,99 ha.

- Quy mô Trung tâm thương mại hạng III và siêu thị hạng II.

(Chi tiết thể hiện tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của Sở Kế hoạch và Đầu tư và Quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án của UBND thành phố Hạ Long được phê duyệt theo thẩm quyền).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra ngoài môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Bất động sản Việt - Nhật:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Bất động sản Việt - Nhật có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Hạ Long nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Hạ Long.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (kể từ ngày 26/12/2014 đến ngày 26/12/2024), nhưng không vượt thời hạn hoạt động của cơ sở theo quy định của pháp luật.

Giấy phép môi trường thành phần gồm: (1) Giấy xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành số 4177/GXN-TNMT ngày 26/12/2014 của Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Ninh cho Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại và Siêu thị Big C Hạ Long tại phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; (2) Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 2421/QĐ-UBND ngày 14/6/2019 của UBND tỉnh cấp cho Trung tâm thương mại và Siêu thị EB Hạ Long tại phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh của Chi nhánh Công ty Cổ phần Bất động sản Việt - Nhật tại thành phố Hạ Long hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND thành phố Hạ Long và các sở, ngành có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật.

- Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và UBND tỉnh về tính hợp lý, hợp pháp, chính xác của các thông tin, số liệu và các nội dung bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường được duyệt.

- UBND thành phố Hạ Long chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và UBND tỉnh trong việc phê duyệt Quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án; giám sát quá trình thi công, hoạt động dự án đảm bảo quy định hiện hành;

thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 168 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Các Ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND thành phố Hạ Long; Giám đốc Công ty Cổ phần Bất động sản Việt - Nhật và các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thi hành./. 74

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
 - CT, các PCT UBND tỉnh (b/c);
 - Các Sở: CT, XD, KH-CN;
 - Trung tâm PV HCC tỉnh;
 - Công TTĐT Sở TN&MT (đăng tải);
 - V0, V1-3, MT;
 - Lưu: VT, MT;
- 10 bản, M-QĐ 132

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nghiêm Xuân Cường



PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1875/GPMT-UBND ngày 26/6/2024 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt (nước thải đen) từ các khu nhà vệ sinh (Khu vệ sinh chung và khu giao nhận hàng tại tầng trệt của trung tâm thương mại; khu vệ sinh tại tầng 1; khu vệ sinh tại tầng lửng).

- Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt (nước thải xám) từ các khu nhà vệ sinh (Khu vệ sinh chung và khu giao nhận hàng tại tầng trệt của trung tâm thương mại; khu vệ sinh tại tầng 1; khu vệ sinh tại tầng lửng).

- Nguồn số 3: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực bếp nấu của các cửa hàng ăn nhanh Jollibee, Lotteria và cửa hàng đồ uống Highland tại tầng trệt của trung tâm thương mại, khu chế biến đồ ăn sẵn (thực phẩm chín) tại tầng 1 của siêu thị.

- Nguồn số 4: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực chế biến của các cửa hàng đồ uống, rạp chiếu phim (KAM, Lottecinema) tại tầng trệt của trung tâm thương mại và Nước thải sinh hoạt khu sơ chế thực phẩm sống và khu chế biến đồ ăn sẵn (thực phẩm chín) tại tầng 1 của siêu thị.

- Nguồn số 5: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu lò bánh mì của siêu thị tại tầng 1.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống công thoát nước chung của khu đô thị cột 5 sau đó chảy vào ven biển vịnh Hạ Long thuộc khu cột 5, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

2.2. Vị trí xả nước thải: Cột 5, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: $X = 2316623$; $Y = 433251$ (Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $150 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sinh hoạt sau xử lý tại Trạm xử lý nước thải (XLNT) sinh hoạt tập trung công suất $150 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ tự chảy theo đường ống đi ngầm vào hệ thống công thoát nước chung của khu vực sau đó chảy vào biển ven bờ vịnh Hạ Long tại khu cột 5, phường Hồng Hải, thành

phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Hình thức xả: Tự chảy, xả mặt và ven bờ.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả nước thải liên tục (24h/ngày đêm).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT (cột A) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt với hệ số K = 1,0 cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng quan trắc môi trường định kỳ (theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ)	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	30		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,0		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	30		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5		
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	6		
11	Tổng Coliform	MPN/100ml	3.000		

Ghi chú: Khuyến khích Chủ cơ sở thực hiện giám sát môi trường định kỳ tại các cửa xả nước thải sau xử lý để tự kiểm soát công tác bảo vệ môi trường.

(Chi tiết thể hiện tại nội dung quyền báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ đầu tư xây dựng, đã được Đoàn kiểm tra liên ngành cấp giấy phép môi trường của tỉnh thẩm định, thông qua theo quy định).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về trạm xử lý nước thải:

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt (nước thải đen) từ các khu vệ sinh → 02 bể tự hoại 3 ngăn (ký hiệu ST1 (tự chảy về trạm), ST02 (bơm về trạm)) → Trạm XLNT sinh hoạt tập trung công suất 150m³/ngày đêm.

- Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt (nước thải xám) từ các khu vệ sinh → Trạm XLNT sinh hoạt tập trung công suất 150m³/ngày đêm.

- Nguồn số 3: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực bếp nấu của các cửa hàng ăn nhanh Jollibee, Lotteria và cửa hàng đồ uống Highland → tách rác qua lưới chắn rác → bể tách mỡ → bơm theo đường ống nhựa → Trạm XLNT sinh hoạt tập trung công suất 150m³/ngày đêm.

- Nguồn số 4: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực chế biến của các cửa hàng đồ uống, rạp chiếu phim (KAM, Lottecinema) tại tầng trệt của trung tâm thương mại và Nước thải sinh hoạt khu sơ chế thực phẩm sống và khu chế biến đồ ăn sẵn (thực phẩm chín) tại tầng 1 của siêu thị → tách rác qua lưới chắn rác → bể tách mỡ → Trạm XLNT sinh hoạt tập trung công suất 150m³/ngày đêm.

- Nguồn số 5: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu lò bánh mì của siêu thị → bể tách bột → Trạm XLNT sinh hoạt tập trung công suất 150m³/ngày đêm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại 03 ngăn:

- Số lượng: 02 bể xây ngầm ST01 và ST02.

- Vị trí: Bể ST01 được đặt ngầm khu vực Trạm XLNT; Bể ST02 được đặt ngầm tại khu vực Lotteria.

- Quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → ngăn chứa → ngăn lọc → ngăn lắng → nước thải sau xử lý sơ bộ → Trạm XLNT sinh hoạt tập trung công suất 150 m³/ngày đêm.

- Công suất thiết kế: Bể ST01 dung tích 72m³; bể ST02 dung tích 64m³.

- Hóa chất sử dụng: Chế phẩm vi sinh, men vi sinh.

1.2.2. Bể tách dầu mỡ khu chế biến đồ ăn sẵn, cửa hàng ăn uống, sơ chế thực phẩm sống:

- Số lượng: 02 bể xây ngầm GT01 và GT02.

- Vị trí: Bể GT01 được đặt ngầm khu vực Trạm XLNT; Bể GT02 được đặt ngầm tại khu vực Lotteria.

- Quy trình công nghệ: Nước thải nấu ăn, bếp, sơ chế thực phẩm → ngăn thứ 1 → ngăn thứ 2 → ngăn thứ 3 → nước thải sau xử lý sơ bộ → Trạm XLNT sinh hoạt tập trung công suất 150 m³/ngày đêm.

- Công suất thiết kế: Bể GT01 dung tích 10m³; Bể GT02 dung tích 08m³.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.3. Bể tách bột:

- Số lượng: 01 bể WFT.
- Vị trí: Đặt ngầm tại khu vực Trạm XLNT.
- Quy trình công nghệ: Nước chứa bột bánh mỳ → ngăn thứ 1 → ngăn thứ 2 → nước thải sau xử lý sơ bộ → Trạm XLNT sinh hoạt tập trung công suất 150 m³/ngày đêm.

- Công suất thiết kế: Dung tích 8,2 m³.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.4. Trạm xử lý nước thải tập trung

- Số lượng: 01 trạm.

- Vị trí: Đặt ngầm gần khu vực cổng nhập hàng phía Tây Nam của Cơ sở.

- Quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại, tách mỡ, tách bột → bể điều hòa → bể phân hủy thiếu khí → bể xử lý hiếu khí → bể lắng → bể khử trùng → hồ ga, công thoát nước → nguồn tiếp nhận (ven biển vịnh Hạ Long).

+ Bùn thải được bơm từ các bể phân hủy thiếu khí, phân hủy hiếu khí và bể lắng về bể chứa bùn. Hợp đồng với đơn vị có chức năng hút bùn đưa đi xử lý theo quy định.

- Công suất thiết kế: 150m³/ngày đêm.

- Công nghệ: Sinh học kết hợp khử khuẩn.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Hóa chất khử trùng Cloramin; Canxi Hypochlorit 70%; Chất khử bọt nước thải; Vi sinh bào tử IND; Vi sinh bào tử N1 (hoặc các hóa chất tương đương đảm bảo chất lượng nước sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh chất ô nhiễm quy định tại mục 2.3.3 phần A, phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thực hiện nạo vét, gia cố, cải tạo (1) Hệ thống thu gom, (2) Các bể tự hoại, (3) Bể ngăn tách dầu mỡ khu chế biến đồ ăn sẵn, cửa hàng ăn uống, sơ chế thực phẩm sống, (4) Bể tách bột, đảm bảo công năng hiện có và hiệu quả xử lý công trình, không để xảy ra tình trạng rò rỉ, ngấm nước thải, chảy tràn ra ngoài môi trường khi mưa lớn.

- Thường xuyên kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng, bảo trì hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải.

- Đối với Trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 150m³/ngày đêm: Đảm bảo vận hành Trạm theo đúng quy trình kỹ thuật, định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng và thay thế các thiết bị của Trạm. Khi sự cố xảy ra, cán bộ vận hành trạm xử lý nước thải thực hiện rà soát lại chế độ và quy trình vận hành để điều chỉnh lại cho phù hợp, đảm bảo nước thải sau xử lý đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi

trường. Trong trường hợp gặp các sự cố: Vỡ, hỏng, rò rỉ đường ống thu gom hoặc xả nước thải, sự cố thiết bị..., lưu giữ nước thải tại các bể, ngừng vận hành Trạm để khắc phục sự cố, sau khi khắc phục xong bơm nước thải về bể điều hòa để tiếp tục quá trình xử lý. Thực hiện các biện pháp điều tiết, sử dụng nước tiết kiệm để giảm thiểu nước thải phát sinh trong thời gian khắc phục sự cố; bố trí van, đường ống hoàn lưu nước thải sau xử lý về bể điều hòa trong thời gian khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải. Hợp đồng chuyển giao nước thải với đơn vị có chức năng trong trường hợp thời gian khắc phục, sửa chữa vượt quá khả năng lưu giữ của các bể, không xả nước thải không đạt chất lượng nước thải nêu tại mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này ra môi trường.

(Chi tiết thể hiện tại nội dung quyền báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ đầu tư xây dựng, đã được Đoàn kiểm tra liên ngành cấp giấy phép môi trường của tỉnh thẩm định, thông qua theo quy định).

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường và thường xuyên nạo vét, kiểm tra hệ thống thu, thoát, xử lý nước thải, đảm bảo không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố. Điểm xả phải thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải, lắp đặt biển báo. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất đảm bảo vận hành thường xuyên, có hiệu quả các công trình thu gom, xử lý và xả nước thải của Cơ sở.

3.3. Đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước thải đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành của Cơ sở.

3.4. Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải để kiểm soát lưu lượng nước thải đầu ra của trạm xử lý nước thải.

3.5. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong công tác phòng chống và ứng phó sự cố môi trường có thể xảy ra trong quá trình vận hành các công trình thu gom, xử lý, thoát nước thải sinh hoạt của Cơ sở./.



PHỤ LỤC 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1875/GPMT-UBND ngày 26 / 6 /2024 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải (mùi) phát sinh từ hoạt động chế biến đồ ăn nhanh của cửa hàng Jollibee, Lotteria.
- Nguồn số 02: Khí thải (mùi) phát sinh từ hoạt động của lò bánh mỳ, khu nấu ăn, chế biến đồ ăn sẵn (thực phẩm chín).
- Nguồn số 03: Khí thải (mùi) phát sinh từ hoạt động Trạm XLNT sinh hoạt tập trung.
- Nguồn số 04: Khí thải từ máy phát điện dự phòng.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải: Tại Trung tâm thương mại GO! Hạ Long, khu cột 5, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Dòng số 01: Tại ống khói xả khí thải trên mái của Trung tâm thương mại. Tọa độ X = 2316730; Y = 433343.
- Dòng số 02: Tại ống khói xả khí thải trên mái của Trung tâm thương mại. Tọa độ X = 2316628; Y = 433254.
- Dòng số 03: Tại ống thoát hơi của Trạm XLNT sinh hoạt tập trung công suất 150m³/ngày đêm. Tọa độ X = 2316633; Y = 433293.
- Dòng số 04: Tại ống thoát khí thải của máy phát điện dự phòng trên mái của Trung tâm thương mại. Tọa độ X = 2316736; Y = 433321.

(Tọa độ theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiều 3°)

2.1.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng số 01: 1000m³/h.
- Dòng số 02: 1000m³/h.
- Dòng số 03 và số 04: Không xác định.

2.1.3. Phương thức xả khí thải:

- Dòng số 01: Khí thải sau xử lý tại Hệ thống xử lý khí thải (mùi) từ hoạt động chế biến đồ ăn nhanh được xả ra ngoài môi trường qua ống khói tôn mạ kẽm, thoát khí cao 14m đường kính Ø400, xả liên tục.

- Dòng số 02: Khí thải sau xử lý tại Hệ thống xử lý khí thải (mùi) từ hoạt động nấu ăn, chế biến đồ ăn sẵn (thực phẩm chín), lò bánh mì được xả ra ngoài môi trường qua ống khói thép Inox chống rỉ, thoát khí cao 16,5m đường kính $\varnothing 200$, xả liên tục.

- Dòng số 03: Khí thải sau xử lý tại Hệ thống xử lý khí thải (mùi) từ Trạm XLNT sinh hoạt tập trung được xả ra ngoài môi trường qua ống nhựa uPVC, thoát khí cao 13,5m đường kính D48, xả gián đoạn, xả khi sử dụng.

- Dòng số 04: Khí thải được thu gom, xả ra ngoài môi trường qua ống khí thải kết cấu tôn mạ kẽm thoát khí cao 14m, đường kính $\varnothing 400$, xả gián đoạn, xả khi sử dụng.

2.1.4. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với khí thải: QCVN 5:2020/QN - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ tính Quảng Ninh ($K_p = 1$, $K_v = 0,6$).

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I	Dòng thải số 01, số 02 và số 04				
1	NO _x	mg/Nm ³	510	Không thuộc đối tượng quan trắc môi trường định kỳ (theo quy định tại khoản 3 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).
2	SO ₂	mg/Nm ³	300		
3	CO	mg/Nm ³	600		
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	120		
II	Dòng thải số 03				
1	NH ₃	mg/Nm ³	30	Không thuộc đối tượng quan trắc môi trường định kỳ (theo quy định tại khoản 3 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).
2	H ₂ S	mg/Nm ³	4,5		

(Chi tiết thể hiện tại nội dung quyền báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ đầu tư xây dựng, đã được Đoàn kiểm tra liên ngành cấp giấy phép môi trường của tỉnh thẩm định, thông qua theo quy định).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Khí thải phát sinh từ dòng số 01: Được thu gom bằng đường ống riêng tôn mạ kẽm, đường kính $\varnothing 400$ của cửa hàng đồ ăn nhanh được xử lý bằng buồng hấp

thụ chứa than hoạt tính và xả thải ra ngoài môi trường.

- Khí thải phát sinh từ dòng số 02: Được thu gom bằng đường ống riêng tôn mạ kẽm của khu lò bánh mỳ, chế biến đồ ăn sẵn (thực phẩm chín), được xử lý bằng buồng hấp thụ chứa than hoạt tính và xả thải ra ngoài môi trường.

- Khí thải phát sinh từ dòng số 03: Được thu gom bằng đường ống nhựa uPVC, đường kính D48 của Trạm XLNT sinh hoạt tập trung, được xử lý bằng buồng hấp thụ chứa than hoạt tính và xả thải ra ngoài môi trường.

- Khí thải phát sinh từ dòng số 04: Được thu gom bằng đường ống riêng tôn mạ kẽm, đường kính θ 400 của máy phát điện và xả thải ra ngoài môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị, giải pháp xử lý bụi, khí thải:

1.2.1. Hệ thống xử lý khí thải (mùi) từ hoạt động chế biến đồ ăn nhanh:

- Quy trình công nghệ: Khí thải (mùi) từ hoạt động nấu ăn, chế biến → chụp hút → đường ống dẫn khí → buồng hấp thụ bằng than hoạt tính → ống khói xả khí thải → xả thải ra ngoài môi trường.

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính (hoặc các hóa chất khác tương đương) đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.2 phần B của Phụ lục này).

1.2.2. Hệ thống xử lý khí thải (mùi) từ hoạt động nấu ăn, chế biến đồ ăn sẵn (thực phẩm chín), lò bánh mỳ:

- Quy trình công nghệ: Khí thải (mùi) từ hoạt động nấu ăn, chế biến đồ ăn sẵn (thực phẩm chín), lò bánh mỳ → chụp hút → đường ống dẫn → buồng hấp thụ bằng than hoạt tính → ống khói xả khí thải → xả thải ra ngoài môi trường.

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính (hoặc các hóa chất khác tương đương) đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.2 phần B của Phụ lục này).

1.2.3. Hệ thống xử lý khí thải (mùi) từ Trạm XLNT sinh hoạt tập trung:

- Quy trình công nghệ: Khí thải từ Trạm XLNT sinh hoạt tập trung → hệ thống hấp thụ bằng than hoạt tính → ống thoát hơi xả khí thải → xả thải ra ngoài môi trường.

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính (hoặc các hóa chất khác tương đương) đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.2 phần B của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý bụi, khí thải bảo đảm hoạt động ổn định.

- Biện pháp ứng phó sự cố:

+ Khi hệ thống xử lý khí thải xảy ra sự cố hoặc chất lượng khí thải không đạt yêu cầu tại Mục 2.2.2. phần A của Phụ lục này phải ngừng việc xả khí thải ra ngoài môi trường để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý.

+ Đối với sự cố có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

(Chi tiết thể hiện tại nội dung quyền báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ đầu tư xây dựng, đã được Đoàn kiểm tra liên ngành cấp giấy phép môi trường của tỉnh thẩm định, thông qua theo quy định).

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở đạt yêu cầu về chất lượng khí thải quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này.

3.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất, đảm bảo vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Khí thải từ máy phát điện dự phòng (nhiên liệu sử dụng là dầu DO); không yêu cầu phải có hệ thống xử lý khí thải trước khi xả vào môi trường; nhưng nhiên liệu dầu DO sử dụng phải đáp ứng quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm hàng hóa để đảm bảo khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định QCVN 5:2020/QN – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ tỉnh Quảng Ninh.

3.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2.2 phần A của Phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục./.



PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ
CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1875/GPMT-UBND ngày 26 / 6 /2024
của UBND tỉnh Quảng Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy thổi khí, máy bơm.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 03: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy bơm nước (cấp nước sinh hoạt, phòng cháy chữa cháy).

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Khu vực đặt tủ điện điều khiển trạm XLNT tại tầng trệt của Trung tâm thương mại.
- Nguồn số 02: Khu vực đặt máy phát điện dự phòng tại tầng trệt của Trung tâm thương mại.
- Nguồn số 03: Khu vực đặt máy bơm nước tại tầng hầm của Trung tâm thương mại.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung QCVN 26:2010/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	
1	70	55	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

(Chi tiết thể hiện tại nội dung quyền báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ đầu tư xây dựng, đã được Đoàn kiểm tra liên ngành cấp giấy phép môi trường của tỉnh thẩm định, thông qua theo quy định).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Thường xuyên bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh bụi) đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.

- Các máy móc thiết bị đã được thiết kế với các chân đế, bộ phận chống rung động đảm bảo theo quy định. Công ty thực hiện chế độ bảo dưỡng theo hướng dẫn và khuyến cáo của nhà sản xuất.

- Tăng cường diện tích trồng cây xanh xung quanh khu vực Trung tâm thương mại nhằm giảm thiểu tác động của tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của Trung tâm thương mại.

(Chi tiết thể hiện tại nội dung quyền báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ đầu tư xây dựng, đã được Đoàn kiểm tra liên ngành cấp giấy phép môi trường của tỉnh thẩm định, thông qua theo quy định).

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Thường xuyên kiểm tra, định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị, kịp thời thay thế khi thiết bị bị hỏng hóc để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.



PHỤ LỤC 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1875/GPMT-UBND ngày 26 / 6 /2024
của UBND tỉnh Quảng Ninh)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải nguy hại	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	180
2	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	144
3	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Rắn	216
4	Hộp chứa mực in thải	08 02 04	Rắn	36
5	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 04	Lỏng	60
Tổng khối lượng				636

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

1.2.1. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh (trừ các loại chất thải được tái sử dụng, tái chế để làm nguyên liệu sản xuất):

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 13	500
2	Mỡ thải từ bể tách dầu mỡ	12 06 11	100
Tổng khối lượng			600

1.2.2. Chất thải được tái sử dụng, tái chế để làm nguyên liệu sản xuất (chuyển giao cho tổ chức khác):

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	18 01 05	600
Tổng khối lượng			600

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 182,5 tấn/năm.

Thành phần chủ yếu là các chất vô cơ và hữu cơ như: Thức ăn thừa, giấy ăn, túi nilon, vỏ lon,...

(Chi tiết thể hiện tại nội dung quyền báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ đầu tư xây dựng, đã được Đoàn kiểm tra liên ngành cấp giấy phép môi trường của tỉnh thẩm định, thông qua theo quy định).

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng rác có nắp đậy, từ 5 – 50kg/thùng, bố trí tại các gian hàng, khu bếp, nhà hàng, phòng họp, hội thảo, khu vực công cộng, hành lang dọc theo đường giao thông...

- Xe gom rác đẩy tay tại khu vực tập kết rác thải sinh hoạt: 05 cái.

- Thùng chứa tại kho chứa rác thải sinh hoạt: 05 thùng nhựa, dung tích 200l/thùng.

2.1.2. Khu vực lưu chứa:

- Kho chứa rác thải sinh hoạt: Diện tích 10m².

- Vị trí kho: Tầng trệt của Trung tâm thương mại.

- Kết cấu kho: Kho kín, tường xây gạch vữa xi măng, nền đổ bê tông chống thấm, có rãnh thu nước rỉ rác về trạm xử lý nước thải, bên ngoài có gắn biển cảnh báo, bên trong có các thùng và xe đẩy rác.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý hàng ngày. Tần suất thu gom: 01 lần/ngày vào cuối mỗi ngày làm việc.

2.1.3. Thực hiện quản lý chất thải sinh hoạt theo quy định tại Điều 72, Điều 73, Điều 75 của Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020; Điều 56, Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường và Điều 24, Điều 25, Điều 26 của Thông tư số 02/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Xe gom rác đẩy tay tại khu vực tập kết rác thải tái chế: 02 cái.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Khu vực lưu chứa rác thải tái chế: Diện tích 15m².

- Vị trí kho: Tầng trệt của Trung tâm thương mại.

- Kết cấu kho: Kho kín, tường xây gạch vữa xi măng, nền đổ bê tông chống thấm, bên ngoài có gắn biển cảnh báo kích thước tối thiểu 30cm mỗi chiều.

2.2.3. Thực hiện quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định tại Điều 72, Điều 73, Điều 81 của Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020; Điều 56, Điều 65, Điều 66 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường và Điều 24, Điều 33, Điều 34 của Thông tư số 02/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Số lượng 05 thùng chứa dung tích 200 lít, có nắp đậy kín. Các thùng chứa có biển dấu hiệu cảnh báo theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30cm mỗi chiều.

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho CTNH: 6m².

- Vị trí: Tầng trệt của Trung tâm thương mại.

- Kết cấu: Kho kín, tường gạch vữa xi măng, nền đổ bê tông chống thấm. Kho có trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: Bình bọt chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30cm mỗi chiều.

2.3.3. Thực hiện quản lý chất thải nguy hại theo quy định tại Điều 72, Điều 83 của Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020; Điều 56, Điều 68, Điều 69, Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường và Điều 24, Điều 25, Điều 35 của Thông tư số 02/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

(Chi tiết thể hiện tại nội dung quyền báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ đầu tư xây dựng, đã được Đoàn kiểm tra liên ngành cấp giấy phép môi trường của tỉnh thẩm định, thông qua theo quy định).

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố

môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3. Đầu tư mua sắm trang, thiết bị, vật tư và chuẩn bị lực lượng phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải tại cơ sở, thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng phương án, biện pháp quản lý, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố.

4. Định kỳ tổ chức tập huấn, huấn luyện và diễn tập ứng phó sự cố chất thải bảo đảm sẵn sàng ứng phó khi xảy ra sự cố.

5. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát; phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT để có biện pháp quản lý phù hợp./.



PHỤ LỤC 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1875/GPMT-UBND ngày 26 / 6 /2024 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Không có.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Vận hành thường xuyên trạm xử lý nước thải trong quá trình hoạt động, đảm bảo nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột A) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi xả ra môi trường, đảm bảo không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải, phát sinh mùi gây ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực. Chỉ được phép xả nước thải sau xử lý với lưu lượng tối đa là 150 m³/ngày đêm.

- Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường. Thực hiện nghiêm túc quy định tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/4/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải; Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 01/4/2016 của UBND tỉnh về thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh trong quá trình thu gom, xử lý nước thải của Cơ sở.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp phòng chống và ứng cứu sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn thực phẩm, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện Cơ sở.

- Trường hợp gây ra sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường trong quá trình hoạt động (nếu có), Chủ Cơ sở phải dừng ngay hoạt động hoặc giảm công suất của các công đoạn phát sinh chất thải và công trình xử lý chất thải gây ra ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường và báo cáo kịp thời tới Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân thành phố Hạ Long để được hướng dẫn giải quyết.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện Cơ sở; định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

- Có trách nhiệm hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành các hoạt động giám sát, kiểm tra việc thực hiện các nội dung, biện pháp bảo vệ môi trường, cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan khi được yêu cầu.

- Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.